

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 13/5/2021 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 08, 09/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 108 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 08, 09/5/2021 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT1248	Đinh Hải	Anh	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
2	CNTT1249	Hà Việt	Anh	20/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
3	CNTT1250	Hoàng Tuấn	Anh	17/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt
4	CNTT1251	Ngô Thị Ngọc	Ánh	06/11/2000	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	8,0	Đạt
5	CNTT1252	Lâm Thị	Bé	26/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	Đạt
6	CNTT1253	Hoàng Công	Bình	17/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
7	CNTT1254	Nguyễn Thanh	Bình	18/06/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	8,0	Đạt
8	CNTT1255	Hứa Văn	Chung	08/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt
9	CNTT1256	Triệu Đức	Duy	11/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
10	CNTT1257	Tạ Quang	Dương	08/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,0	Đạt
11	CNTT1258	Hoàng Thành	Đạt	25/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
12	CNTT1259	Nông Thanh	Đạt	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt
13	CNTT1260	Hoàng Thị	Giới	12/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt
14	CNTT1261	Nguyễn Mạnh	Hào	21/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
15	CNTT1262	Lý Văn	Hiền	08/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
16	CNTT1263	Đặng Quốc	Hiền	17/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
17	CNTT1264	Hoàng Văn	Hiệp	13/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt
18	CNTT1265	Đặng Nhật	Minh	17/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
19	CNTT1266	Hoàng Thanh	Bình	27/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
20	CNTT1267	Nông Trung	Chiến	07/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
21	CNTT1268	Hoàng Minh	Duẩn	07/03/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	8,0	Đạt
22	CNTT1269	Nông Đức	Hải	27/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
23	CNTT1270	Hoàng Văn	Hiệp	12/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
24	CNTT1271	Lương Đình	Hiếu	14/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,0	Đạt
25	CNTT1272	Hà Văn	Hoàng	05/10/2003	Đắk Lắk	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
26	CNTT1273	Hoàng Thị	Hường	21/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
27	CNTT1274	Nguyễn Thị	Hường	27/12/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt
28	CNTT1275	Nguyễn Thu	Hường	22/03/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	8,5	Đạt
29	CNTT1276	Triệu Thị	Na	01/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	8,5	Đạt
30	CNTT1277	Hoàng Thị	Nghệ	08/02/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,2	8,5	Đạt
31	CNTT1278	Phạm Hồng	Ngọc	24/09/1988	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt
32	CNTT1279	Nguyễn Long	Nhật	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
33	CNTT1280	Đình Mạnh	Quang	05/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,0	Đạt
34	CNTT1281	Lý Đình	Quý	28/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
35	CNTT1282	Đặng Thu	Quyên	13/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Mường	7,5	8,5	Đạt
36	CNTT1283	Hoàng Văn	Thảo	11/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
37	CNTT1284	Hoàng Thị Hồng	Thắm	19/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	8,5	Đạt
38	CNTT1285	Hoàng Văn	Tuân	04/12/1999	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,2	7,5	Đạt
39	CNTT1286	Ngô Quốc	Tuấn	20/09/1992	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	8,0	Đạt
40	CNTT1287	Vy Văn	Tuấn	25/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
41	CNTT1288	Nông Minh	Hiếu	07/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
42	CNTT1289	Hứa Thị	Hoa	11/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
43	CNTT1290	Lê Xuân	Huy	24/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
44	CNTT1291	Lý Quang	Hương	18/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	5,0	Đạt
45	CNTT1292	Triệu Văn	Kết	09/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,5	Đạt
46	CNTT1293	Lâm Đình	Khải	17/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
47	CNTT1294	Tô Quốc	Khanh	16/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt
48	CNTT1295	Hoàng Văn	Khánh	03/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
49	CNTT1296	Nguyễn Văn	Khuyến	20/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
50	CNTT1297	Đàm Khánh	Linh	11/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
51	CNTT1298	Hoàng Nam	Long	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
52	CNTT1299	Lương Văn	Lộc	05/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
53	CNTT1300	Lê Bình	Minh	18/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
54	CNTT1301	Hoàng Văn	Nam	19/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
55	CNTT1302	Triệu Thị	Nây	18/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,7	5,5	Đạt
56	CNTT1303	Phùng Thị	Nhân	03/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
57	CNTT1304	Nguyễn Đăng Trần	Phi	26/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
58	CNTT1305	Nguyễn Thanh	Quang	12/12/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	8,5	Đạt
59	CNTT1306	Nông Ngọc	Quang	10/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt
60	CNTT1307	Nguyễn Trĩ	Quảng	23/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
61	CNTT1308	Vì Thị Kim	Sen	27/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt
62	CNTT1309	Hoàng Thanh	Son	13/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt
63	CNTT1310	Triệu Văn	Son	15/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	6,0	Đạt
64	CNTT1311	Nguyễn Văn	Thanh	01/02/1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	8,5	Đạt
65	CNTT1312	Âu Văn	Thành	03/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt
66	CNTT1313	Đoàn Long	Thành	06/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
67	CNTT1314	Hoàng Văn	Thắng	30/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,0	Đạt
68	CNTT1315	Lương Văn	Thỏa	04/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
69	CNTT1316	Lương Thị	Thơm	17/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt
70	CNTT1317	Phan Văn	Thụ	28/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
71	CNTT1318	Hoàng Viết	Thuận	24/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt
72	CNTT1319	Hà Văn	Thuật	09/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt
73	CNTT1320	Lăng Thị	Thương	04/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt
74	CNTT1321	Vương Văn	Tiến	27/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
75	CNTT1322	Hoàng Xuân	Tĩnh	16/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
76	CNTT1323	Triệu Minh	Tốt	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
77	CNTT1324	Hứa Văn	Trần	19/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,0	Đạt
78	CNTT1325	Lý Văn	Tùng	04/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt
79	CNTT1326	Lăng Thị	Uyển	06/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
80	CNTT1327	Phùng Thị	Vân	25/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
81	CNTT1328	Lương Quốc	Việt	20/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
82	CNTT1329	Thân Văn	Xuân	04/05/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,0	Đạt
83	CNTT1330	Hoàng Văn	Bộ	15/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
84	CNTT1331	Lý Thị Hồng	Diệp	07/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,5	Đạt
85	CNTT1332	Đàm Thị	Duyên	02/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
86	CNTT1333	Vi Thị	Đào	25/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt
87	CNTT1334	Đàm Thị	Hiền	13/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	Đạt
88	CNTT1335	Lý Thị	Hiền	02/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	Đạt
89	CNTT1336	Chu Văn	Hòa	02/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	5,5	Đạt
90	CNTT1337	Chu Thị	Huyền	14/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt
91	CNTT1338	Hà Thị	Hương	18/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	5,0	Đạt
92	CNTT1339	Vi Thị	Len	27/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
93	CNTT1340	Vũ Thùy	Linh	12/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	5,5	Đạt
94	CNTT1341	Đàm Thị	Mai	26/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	Đạt
95	CNTT1342	Phan Thị	Mai	18/11/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt
96	CNTT1343	Lương Thị	Nghiệp	03/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,5	Đạt
97	CNTT1344	Hoàng Mai	Ngọc	29/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
98	CNTT1345	Hoàng Ngọc	Nhi	04/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
99	CNTT1346	Lộc Tiến	Phong	03/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt
100	CNTT1347	Hoàng Thị	Quế	25/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
101	CNTT1348	Sầm Thị Sự	26/06/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,0	Đạt
102	CNTT1349	Nông Thị Thào	18/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt
103	CNTT1350	Tô Xuân Thơ	14/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt
104	CNTT1351	Hoàng Thị Thuần	13/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,0	Đạt
105	CNTT1352	Lăng Thị Thu	12/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt
106	CNTT1353	Vì Thị Trang	07/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,0	Đạt
107	CNTT1354	Chu Thị Tố Uyên	05/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	5,5	Đạt
108	CNTT1355	Nguyễn Thị Yến	18/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 108./.